

Số: 18 /2011/QĐ-UBND

Long An, ngày 01 tháng 7

CỤC QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH

Số: 1447
Ngày: 13/7/11

BỘ CÔNG THƯƠNG

Ban hành Quy chế xét công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống trên địa bàn tỉnh Long An

Số: 502/H
Ngày: 11/7/11

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Chuyên:

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BCN ngày 23/6/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1301/TTr-SCT ngày 24 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Công Thương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Như điều 3;
- Phòng NC KT;
- Lưu: VT, SCT, T.

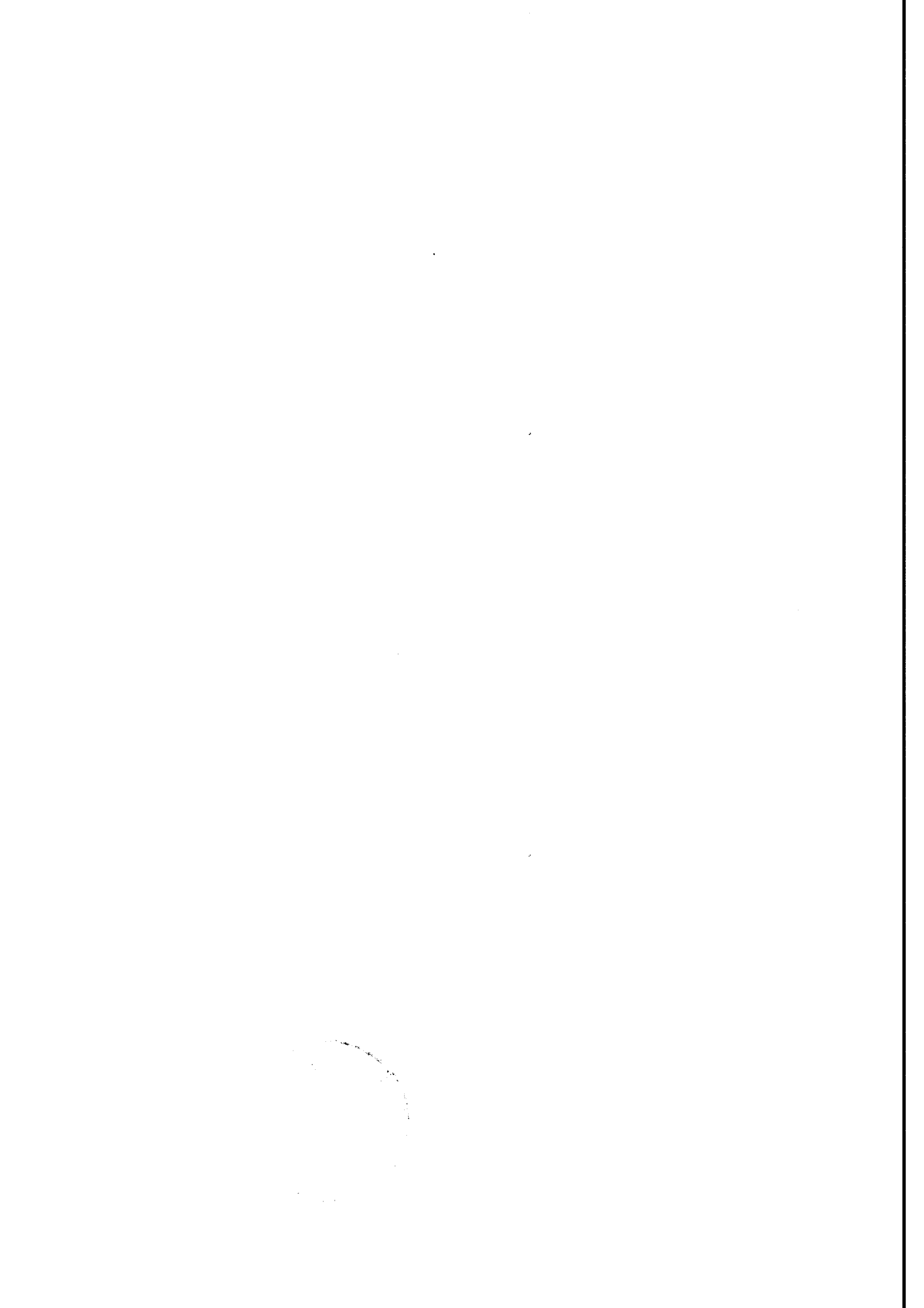
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nguyên



QUY CHẾ

**Xét công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề
tiểu thủ công nghiệp truyền thống trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2011/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Long An)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục và hồ sơ xét công nhận “Làng nghề tiểu thủ công nghiệp” và “Làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống” trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các làng trên địa bàn tỉnh có trực tiếp sản xuất, chế biến các sản phẩm thuộc các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Nghề tiểu thủ công nghiệp (TTCN) truyền thống*: Là nghề TTCN đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

2. *Làng nghề tiểu thủ công nghiệp*: Là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp khóm, ấp, khu phố hoặc các điểm dân cư tương tự (gọi tắt là “làng”) trên địa bàn một xã, phường, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề TTCN, sản xuất ra một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau tại các cơ sở sản xuất tập trung hoặc phân tán ở hộ gia đình trong cụm dân cư, có sử dụng các nguồn lực trong và ngoài địa phương, các ngành nghề sản xuất đã phát triển tới mức trở thành nguồn sống chính hoặc thu nhập chủ yếu của người dân.

3. *Làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống*: Là làng nghề TTCN có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời được lưu truyền ít nhất từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; sản phẩm có tính mỹ thuật đặc trưng được nhiều người và nhiều nơi biết đến, là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

4. *Hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp*: Hoạt động ngành nghề TTCN trong quy chế này bao gồm :

a) Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy hải sản;

- b) Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn;
- c) Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn;
- d) Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;
- đ) Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh;
- e) Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn;
- g) Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG

Điều 3. Tiêu chí xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống

1. Tiêu chí làng nghề TTCN

Làng nghề TTCN được công nhận phải đạt các tiêu chí sau:

- a) Trên địa bàn dân cư cấp khóm, ấp, khu phố hoặc các điểm dân cư tương tự có tối thiểu 30% tổng số hộ tham gia các hoạt động ngành nghề TTCN;
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
- c) Sản xuất kinh doanh phải gắn với việc chấp hành tốt các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

2. Tiêu chí làng nghề TTCN truyền thống

a) Làng nghề TTCN truyền thống phải đạt các tiêu chí làng nghề TTCN như đã quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này;

b) Ngoài ra, làng nghề truyền thống còn có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời được lưu truyền ít nhất từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

Đối với những làng chưa đạt tiêu chí a, b của tiêu chí xét công nhận làng nghề tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này nhưng có ít nhất một nghề nhân được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc một nghề TTCN truyền thống thì cũng được công nhận là làng nghề TTCN truyền thống.

Điều 4. Tên, thành viên của làng nghề

1. Tên làng nghề

Tên làng nghề được đặt trên cơ sở: tên của nghề ghép với địa danh. Nếu trên địa bàn có nhiều nghề thì tên của làng nghề được lấy tên của sản phẩm nổi tiếng nhất. Việc đặt tên làng nghề do nhân dân trong địa bàn thống nhất và đề nghị chính quyền địa phương xem xét công nhận.

2. Thành viên làng nghề

Thành viên của làng nghề bao gồm: cá nhân, hộ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và các hiệp hội, hội nghề nghiệp có tham gia sản xuất ngành nghề TTCN.

Các thành viên làng nghề bình chọn một tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho làng nghề được chính quyền địa phương công nhận. Tổ chức hoặc cá nhân được chọn làm đại diện cho làng nghề có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người sản xuất; thực hiện công việc giao dịch và tiếp nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Trình tự xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) xem xét các làng có hoạt động ngành nghề TTCN, đối chiếu với tiêu chí xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống quy định tại Điều 3 của Quy chế này, hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống và gửi văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ) lên UBND huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tập hợp hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi lên, lập danh sách (kèm theo hồ sơ) trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Công Thương là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định và xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống (gọi tắt là Hội đồng xét duyệt) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chí theo quy định tại Quy chế này và lập danh sách đề nghị xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống trình UBND tỉnh ra quyết định cấp giấy công nhận trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Điều 6. Hồ sơ xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề TTCN bao gồm:

a) Đơn đề nghị xét công nhận làng nghề TTCN, của tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho làng nghề;

b) Bảng tóm tắt quá trình hình thành, phát triển và kết quả hoạt động của làng nghề TTCN trong 2 năm gần nhất;

c) Danh sách thành viên tham gia hoạt động ngành nghề TTCN, có xác nhận của UBND cấp xã;

d) Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề TTCN truyền thống bao gồm:

a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này;

b) Bản sao giấy chứng nhận huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên trao tặng hoặc bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống;

c) Bản sao Bằng công nhận Nghệ nhân của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)

d) Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước có xác nhận của UBND cấp xã.

Điều 7. Hội đồng xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống

1. Thành lập Hội đồng

Hội đồng xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Công Thương làm Phó Chủ tịch Hội đồng (thường trực) và các thành viên là đại diện các Sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh HTX tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.

2. Nguyên tắc xét duyệt

a). Các thành viên trong Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, nhận xét và lựa chọn làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống đạt tiêu chí để bỏ phiếu tín nhiệm.

b) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc sau:

- Kỳ họp xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền chủ trì cuộc họp;

- Các thành viên Hội đồng đánh giá theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được thực hiện chính xác, công bằng, dân chủ, khách quan. Làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống được Hội đồng đề nghị công nhận phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt của Hội đồng;

- Hội đồng chỉ xem xét các hồ sơ của các làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống lập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Các trường hợp hồ sơ lập không đúng theo nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định thì Hội đồng không xem xét.

Chương IV

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG

Điều 8. Quyền lợi

1. Được UBND tỉnh cấp “Giấy công nhận làng nghề TTCN tỉnh Long An” hoặc “Giấy công nhận làng nghề TTCN truyền thống tỉnh Long An”.

2. Được hưởng các chính sách ưu đãi về phát triển ngành nghề nông thôn và ưu tiên hưởng chính sách khuyến công thuộc các chương trình khuyến công quốc gia và địa phương.

3. Được tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ kinh phí khi tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và địa phương.

Điều 9. Trách nhiệm

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, phát triển nghề và làng nghề ở địa phương.

2. Duy trì, xây dựng và phát triển làng nghề ổn định, bền vững; gắn với du lịch và đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động.

3. Tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tiến mẫu mã nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm để sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật ngày càng cao, được thị trường trong nước và nước ngoài ưa chuộng.

4. Tích cực mở rộng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; khai thác và phát triển bền vững vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.

5. Huy động các nghệ nhân, thợ giỏi, cá nhân, hộ gia đình tích cực tham gia công tác truyền nghề, dạy nghề cho người lao động và duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công trách nhiệm

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống, làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị xét công nhận;

- Xây dựng kế hoạch tài chính phục vụ cho công tác xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống và quyền lợi, chế độ của các làng nghề này trình UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch khuyến công hàng năm;

- Chủ trì phối hợp với các Sở ngành liên quan đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách cụ thể để duy trì và phát triển làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống; Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng xét công nhận làng nghề trình UBND tỉnh ra quyết định;

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt Quy chế này; tổng kết và đánh giá hoạt động của làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống và tổng hợp các tồn tại, vướng mắc kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý nhằm duy trì và tạo điều kiện cho làng nghề phát triển;

- Chỉ đạo Trung tâm khuyến công và Trung tâm xúc tiến thương mại ưu tiên cho các làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống được hưởng các chính sách thuộc Chương trình khuyến công và Chương trình xúc tiến thương mại của quốc gia và địa phương.

2. Sở Tài chính

Cân đối kinh phí cho công tác xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống và phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan hướng dẫn các chế độ, chính sách liên quan đến làng nghề theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quy chế này đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các làng nghề, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn biết và thực hiện;

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với UBND cấp xã xem xét các làng đủ tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống;

- Phân công cán bộ theo dõi quản lý hoạt động của làng nghề, tổng hợp những kiến nghị của các làng nghề kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để xem xét, giải quyết.

Điều 11. Điều khoản thi hành:

Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc các sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, làng nghề TTCN, làng nghề TTCN truyền thống phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên